TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/DS-ST
Ngày: 24-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2019/TLST- DS ngày 25 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị N**, sinh năm: 1962; "Có mặt"

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn:

- Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm: 1980; "Vắng mặt"

- Chị **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm: 1982; "Có mặt"

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn – anh Nguyễn Văn L: Chị **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm: 1982; Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2019). "Có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Võ Thị N - trình bày:

Vào ngày 05/6/2019 (Nhằm ngày 03/5/2019 Âm lịch), vợ chồng anh L, chị B có vay bà số tiền 275.000.000 đồng, hẹn mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, có lập giấy nợ do con gái bà viết, chị B ký tên nhận nợ, anh L có mặt nhưng do không biết chữ nên không ký tên vào giấy nợ. Tuy nhiên, sau đó anh L, chị B không trả hàng tháng 10.000.000 đồng như đã hứa dù bà đã nhiều lần yêu cầu.

Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh L, chị B trả số tiền 275.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc B – trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2001. Từ khoảng năm 2017, chị có vay tiền của bà N nhiều lần để chi tiêu trong gia đình và trả tiền lãi cho các khoản vay khác. Chị vay của bà N nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể từng lần vay là bao nhiêu, mỗi lần vay cũng không có giấy tờ, chứng cứ gì. Đến ngày 05/6/2019 (Nhằm ngày 03/5/2019 Âm lịch), chị và bà N có cùng chốt lại số nợ là 275.000.000 đồng, hứa trả hàng tháng 10.000.000 đồng. Hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 60.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, chị có trả lãi nhưng không có giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh. Khi chốt nợ, hai bên có lập giấy nợ, giấy nợ do người nhà bà N viết, chị ký tên nhận nợ. Hiện do hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng chị vẫn chưa trả số nợ gốc 275.000.000 đồng cho bà N dù bà N đã nhiều lần yêu cầu.

Với yêu cầu khởi kiện của bà N, vợ chồng chị đồng ý trả cho bà N 275.000.000 đồng, xin được trả dần hàng tháng 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn – anh Nguyễn Văn L – trình bày trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thông qua người đại diện hợp pháp là chị Nguyễn Thị Ngọc B:

Thống nhất với ý kiến của chị B, anh sẽ cùng chị B có nghĩa vụ trả số tiền 275.000.000 đồng cho bà N nhưng xin được trả dần hàng tháng 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải

quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc anh L, chị B liên đới trả số tiền 275.000.000 đồng, không tính lãi. Anh L, chị B chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn – anh Nguyễn Văn L - vắng mặt nhưng đã ủy quyền tham gia tố tụng cho chị Nguyễn Thị Ngọc B. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về giá trị pháp lý của hợp đồng vay tài sản:

Anh L và chị B thừa nhận có vay của bà N số tiền 275.000.000 đồng theo đúng giấy nợ đề ngày "03/5/2019" bà N cung cấp cho Tòa án nên có căn cứ xác định việc vay mượn nợ giữa bà N và anh L, chị B là có thật.

Về thời hạn trả, các đương sự thống nhất đúng như thỏa thuận trong giấy nợ là trả hàng tháng 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, hai bên lại không thống nhất về thỏa thuận lãi suất, bị đơn khai vay tiền có lãi suất nhưng lại không có chứng cứ chứng minh. Trong khi đó, giấy nợ lại không thể hiện thỏa thuận về lãi suất. Do đó, Tòa án căn cứ vào chứng cứ là giấy nợ, xác định việc vay mượn nợ giữa bà N và anh L, chị B là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi được điều chỉnh theo quy định tại Điều 463, 470 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Về việc thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng vay tài sản giữa hai bên:

Vợ chồng chị B và anh L xác định hiện vẫn còn nợ bà N toàn bộ số nợ gốc là 275.000.000 đồng theo đúng như yêu cầu khởi kiện của bà N. Anh chị xác định đây là nợ chung của vợ chồng và đồng ý trả số nợ này. Vì thế, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc vợ chồng anh L, chị B liên đới trả cho bà N số tiền 275.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp.

Về yêu cầu xin trả dần của bị đơn: Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015: "1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…". Tại phiên

tòa, bà N không đồng ý cho bị đơn trả dần. Vì thế, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bị đơn.

[2.3] Bà N không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà N được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh L và chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N, buộc anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị N số tiền 275.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Ghi nhận bà N không yêu cầu tính lãi.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc B phải liên đới chịu 13.750.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà N 6.875.000 đồng (Sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019979 ngày 25/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Quyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA